TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN G** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ
2. Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa : Bà Dương Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1557/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng Minh Th

Địa chỉ: Số H đường Tr, Phường M, Quận B, Thành phố H. (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Hoàng Tr

Địa chỉ: Số B đường N, Phường M, quận G, Thành phố H.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Minh Th trình bày:

Bà Th xây dựng gia đình cùng với ông Trần Hoàng Tr vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, Quận B, Thành phố

Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, từ sinh hoạt gia đình, công việc, nuôi dạy con cái cũng như kinh tế gia đình đều xảy ra bất đồng. Ông Tr sống không có trách nhiệm, không đi làm kiếm tiền, mọi việc đều trong nhà cũng như nuôi con để mặc một mình bà tự lo liệu. Bà Th nhiều lần khuyên nhủ chồng nhưng ông Tr lại gây gổ, xúc phạm bà và không sửa đổi. Bà Th đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ năm 2021 bà đã dọn về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không có sự quan tâm đến nhau, bà tự nuôi con một mình và ông Tr không hỗ trợ gì. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hoàng Tr.

Về con chung: Bà và ông Tr có một con chung tên Trần Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 26/4/2016, hiện trẻ K đang sống với bà, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Trần Hoàng Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hoàng Minh Th xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện về ly hôn và nuôi con của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tr không đến Tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án không lấy được lời khai của ông Tr cũng như không nhận được các tài liệu chứng cứ do ông Tr cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 03/01/2024 theo quy định pháp luật và đã gửi thông báo kết quả các phiên họp cho ông Tr được biết.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

+ Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng;

+ Thẩm quyền giải quyết: Thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền;

+ Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Hoàng Minh Th ly hôn với ông Trần Hoàng Tr.

- Về con chung: Giao cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 26/4/2016 cho đến khi trưởng thành. Bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Hoàng Minh Th có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Hoàng Tr, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông Tr có địa chỉ cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - Bà Nguyễn Hoàng Minh Th có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn - Ông Trần Hoàng Tr đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tòa án căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông Tr xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, TP. Hồ Chí Minh cấp cho bà Th và ông Tr giấy chứng nhận kết hôn số 148 quyển số 1/2015, ngày 28/10/2015, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Tr được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Bà Th yêu cầu ly hôn với ông Tr do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xây dựng trên cơ sở tình yêu thương tôn trọng giữa hai vợ chồng.Vợ chồng phải cùng vun đắp, xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng có trách nhiệm thương yêu, nuôi nấng, dạy dỗ con cái trưởng thành.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn cũng như việc nuôi con của đương sự để có cơ sở giải quyết vụ kiện. Kết quả xác minh thể hiện, bà Th và ông Tr không sống chung, về mâu thuẫn Hội Liên hiệp Phụ nữ phường không nắm. Như vậy, kết quả xác minh của cho thấy bà Th và ông Tr không còn sống chung là phù hợp với lời trình bày của bà Thương. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo cơ hội nhằm mục đích giúp các đương sự giải quyết mâu thuẫn để trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng có trách nhiệm chăm lo cho con chung nhưng ông Tr không đến Tòa, điều đó chứng tỏ ông Tr không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Th là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Xét việc nuôi con chung: Căn cứ trích lục khai sinh số 110/TLKS-BS ngày 05/5/2016 của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, TP. Hồ Chí Minh cấp cho trẻ Trần Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 26/4/2016, cho thấy trẻ Hoàng Kim là con chung của bà Th và ông Trung. Bà Th có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con, trẻ Hoàng Kim trình bày tại bản khai là có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy con trẻ cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp, thường xuyên của cha hoặc mẹ. Bà Th có yêu cầu nuôi con, ông Tr không có ý kiến phản đối, không đến Tòa, do đó việc giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của con trẻ. Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao trẻ Trần Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 26/4/2016 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Th không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con, xét việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của bà Th và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Th xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không phụ thuộc vào Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, Bà Th là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được cấn trừ

vào tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013044 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hoàng Minh Th được ly hôn với ông Trần Hoàng Tr .

Giấy chứng nhận kết hôn số 148 quyển số 01/2015, ngày 28/10/2015, do Ủy ban nhân dân Phường 121, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Hoàng Minh Th và ông Trần Hoàng Tr hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 26/4/2016 cho bà Nguyễn Hoàng Minh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông Trần Hoàng Tr cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp Phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn

về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Th xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Hoàng Minh Th phải chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013044 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, TP. Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Hoàng Minh Th đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND quận G;
-Chi cục THADS quận G;
-UBND Phường M, Quận B, TP.Hồ Chí Minh;
-Các đương sự;
-Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thành Huế

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND quận G;
-Chi cục THADS quận G;
-UBND Phường 5, quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh;
-Các đương sự;
-Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦTỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thành Huế